

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN TỊNH  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **65/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 08 - 6- 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thượng Trọng Ký

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Ông Nguyễn Thanh Hải;

2- Ông Nguyễn Thành Nghi;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Kim Chi- là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 22/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

**1- Nguyên đơn:** Chị **Đào Thị Thu T**, sinh năm: 1995

Địa chỉ: Đội 7, thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi

**2- Bị đơn:** Anh **Lâm Văn Tr**, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Đội 11, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi

Chị T có mặt, anh Tr vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 13- 11- 2021, trong quá trình giải quyết vụ án chị Đào Thị Thu T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng: Qua tìm hiểu, Chị và anh Lâm Văn Tr tự nguyện tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 17/02/2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần dần phát sinh mâu thuẫn do khác biệt trong suy nghĩ, lối sống, làm tình cảm vợ chồng rạn nứt. Những năm gần đây, vợ chồng không tôn trọng nhau, phần ai nấy sống, anh Tr cũng không còn quan tâm, chăm sóc cho vợ con mà sống ích kỷ, chỉ lo cho bản thân. Vì những mâu thuẫn trên nên vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải nhưng anh Tr vẫn cứng nòng tạt nẩy nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh Lâm Văn Tr.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lâm Đào Bảo H (sinh ngày 21/12/2013). Hiện nay cháu H đang sống với Chị nên khi ly hôn, Chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H; Khi khởi kiện ly hôn Chị yêu cầu anh Lâm Văn Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu H 18 tuổi. Nhưng tại phiên tòa hôm nay Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lâm Văn Tr không đến Tòa án và cũng không có lời trình bày.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS (Bộ luật Tố tụng dân sự) trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227 và 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T:

+ Về hôn nhân: Giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Tr.

+ Về con chung: Giao cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lâm Đào Bảo H, sinh ngày 21/12/2013; anh Lâm Văn Tr không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

Chị Tình phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Bị đơn anh Lâm Văn Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh Tr tự tìm hiểu rồi kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh, Chị sống không hợp nhau, có nhiều mâu thuẫn, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình được và hiện nay chị T và anh Tr đã sống ly thân phần ai nấy sống từ năm 2019 cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, chị T không còn tình cảm với anh Tr và cương quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Xét thấy anh Lâm Văn T và chị Đào Thị Thu T có 01 con chung là Lâm Đào Bảo H, sinh ngày 21/12/2013; hiện đang sinh sống tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu và theo nguyện vọng của cháu H có nguyện vọng ở với chị T để được học hành nên cần giao cháu Lâm Đào Bảo H cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lâm Văn Tr không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Đào Thị Thu T nộp để sung công quỹ Nhà nước 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm phân ly hôn theo quy định.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Thu T.

**1.** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đào Thị Thu T đối với anh Lâm Văn Tr. Chị Đào Thị Thu T được ly hôn với anh Lâm Văn Tr.

**2.** Về con chung:

Chấp nhận yêu cầu của chị Đào Thị Thu T. Giao cháu Lâm Đào Bảo H cho chị Tình được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lâm Văn Tr không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của một bên, cả hai bên hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

**3.** Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

**4.** Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét.

**5.** Về án phí: Chị Đào Thị Thu T nộp để sung vào công quỹ Nhà nước 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm phân ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001184 ngày 25-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

**6.** Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/6/2022). Đương sự vắng mặt tại

phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh,  
tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh,  
tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu: Ấn văn; hồ sơ vụ án.

**Thượng Trọng Ký**